

Thủ công mỹ nghệ cần giấy phép / Thủ công mỹ nghệ với chứng chỉ cao cấp nghề theo phụ bản A của Quy Định Thủ Công Mỹ Nghệ

<http://www.gesetze-im-internet.de/hwo>

1. Chuyên gia làm kính mắt (Augenoptikermeister/in)
2. Chuyên gia làm bánh (Bäckermeister/in)
3. Chuyên gia đóng ghe (Bootsbauermeister/in)
4. Chuyên gia đào giếng (Brunnenmeister/in)
5. Chuyên gia chế tạo vũ khí (Büchsenmeister/in)
6. Chuyên gia công cụ phẫu thuật (Chirurgiemechanikermeister/in)
7. Chuyên gia lợp nóc (Dachdeckermeister/in)
8. Chuyên gia sửa chữa máy móc (Elektromaschinenbauermeister/in)
9. Chuyên gia kỹ thuật điện (Elektrotechnikmeister/in)
10. Chuyên gia cơ khí chính xác (Feinwerkmechanikermeister/in)
11. Chuyên gia thịt (Fleischermeister/in)
12. Chuyên gia cắt uốn tóc (Friseurmeister/in)
13. Chuyên gia xây dựng giàn (Gerüstbauermeister/in)
14. Chuyên gia công cụ thủy tinh (Glasapparatebauermeister/in)
15. Chuyên gia kỹ nghệ thủy tinh (Glasermeister/in)
16. Chuyên gia máy trợ thính (Hörgeräteakustikermeister/in)
17. Chuyên gia kỹ thuật thông tin (Informationstechnikermeister/in)
18. Chuyên gia chế tạo lắp sửa lò sưởi (Installateur- und Heizungsbauermeister/in)
19. Chuyên gia chế tạo lắp sửa hệ thống máy lạnh (Kälteanlagenbauermeister/in)
20. Chuyên gia chế tạo lắp sửa khung xe cơ giới (Karosserie- und Fahrzeugbauermeister/in)
21. Chuyên gia thiếc (Klempnermeister/in)
22. Đầu bếp bánh ngọt (Konditormeister/in)
23. Chuyên gia kỹ thuật xe (Kraftfahrzeugtechnikermeister/in)
24. Chuyên gia kỹ thuật máy nông nghiệp (Landmaschinenmechanikermeister/in)
25. Chuyên gia sơn (Maler- und Lackierermeister/in)
26. Chuyên gia nề và bê tông (Maurer- und Betonbauermeister/in)
27. Chuyên gia xây dựng kim loại (Metallbauermeister/in)
28. Chuyên gia thông khí lò sưởi và lò nướng (Ofen- und Luftheizungsbauermeister/in)
29. Chuyên gia thiết bị chỉnh xương và băng bó (Orthopädiemechaniker- und Bandagistinmeister/in)
30. Chuyên gia giày y tế (Orthopädieschuhmachermeister/in)
31. Chuyên gia đóng tàu (Schiffbauermeister/in)
32. Chuyên gia ống khói (Schornsteinfegermeister/in)
33. Chuyên gia dây thừng (Seilermeister/in)
34. Chuyên gia điêu khắc đá (Steinmetz- und Steinbildhauermeister/in)
35. Chuyên gia xây đường (Straßenbauermeister/in)
36. Chuyên gia xi măng tô tường (Stuckateurmeister/in)
37. Chuyên gia nhiệt kế (Thermometermachermeister/in)
38. Chuyên gia nghề mộc (Tischlermeister/in)

Kinh doanh trong các nghề quy chế

...phải qua các kỳ thi kiến thức chuyên môn, tham gia các khóa học hoặc phải trình lên các giấy chứng nhận. Ở đây chưa bao gồm các nghề thủ công mỹ nghệ với chứng chỉ cao cấp nghề quy chế.

Buôn bán con vẹt đuôi dài và con vật có xương sống
(Handel mit Sittichen und Wirbeltieren)
 Buôn bán vũ khí, đạn dược, chất nổ và chất độc (Handel mit Waffen, Munition, Sprengstoff und Giften) Buôn bán vũ khí (Waffenhandel)

Các tiệm cầm đồ (Pfandhäuser)
 Cửa hàng ăn uống (khóa học ngành ăn uống, kể cả nhượng quyền) (Schank- und Speisewirtschaften (Gaststättenunterrichtung, teilweise auch Konzession))

Cửa hàng bán lẻ các loại thuốc tự do (Einzelhandel mit freiverkäuflichen Arzneimitteln)
 Chế biến dược phẩm (Herstellung von Arzneimitteln)

Dịch vụ cho thuê xe và taxi (Taxi- und Mietwagenverkehr)
 Dịch vụ xe bus (Omnibusverkehr)
 Doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa đường bộ (Güterkraftverkehrs-Unternehmen)

Giám thị xây dựng/Nhà thầu xây dựng
(Baubetreuer/Bauträger)

Hội trường cờ bạc (Spielhallen)

Khóa học ngành ăn uống (Gaststättenunterrichtung)

Ngành bảo vệ an ninh (Bewachungsgewerbe)

Người đấu thầu (Versteigerer)

Người môi giới bất động sản (Makler)

Người môi giới đầu tư (Finanzanlagenvermittler)

Người môi giới và cố vấn viên bảo hiểm

(Versicherungsvermittler und –berater)

Sản xuất vũ khí (Herstellung von Waffen)

Tài xế lái xe (Berufskraftfahrer)

Tài xế lái xe hàng hóa nguy hiểm, ủy viên hàng hóa nguy hiểm (Gefahrgutfahrer, Gefahrgutbeauftragter)

Văn phòng thu nợ (Inkassogeschäfte)

Vận chuyển cứu thương (Krankentransport)

Vận chuyển hàng hóa đường bộ (Güterkraftverkehr)

Kinh doanh cần giấy phép (điều 29 của Quy Định Thương Mại GewO)

Kinh doanh sau đây cần có giấy phép đặc biệt:

Các máy trò chơi ăn tiền (Spielgeräte mit Gewinnmöglichkeit)
 Các hình thức trò chơi ăn tiền khác (Andere Spiele mit Gewinnmöglichkeit)
 Cố vấn viên bảo hiểm (Versicherungsberater)
 Cố vấn viên đầu tư (Anlageberater)
 Chuyên viên đánh giá (Sachverständiger)

Giám thị xây dựng (Baubetreuer)

Hội trường cờ bạc và các loại doanh nghiệp cờ bạc (Spielhallen und sonstige Spielunternehmen)

Kinh doanh cầm đồ (Pfandleihgewerbe)

Kinh doanh đấu thầu (Versteigerergewerbe)

Ngành bảo vệ an ninh (Bewachungsgewerbe)

Người môi giới bảo hiểm (Versicherungsvermittler)

Người môi giới bất động sản (Makler)

Nhà thầu xây dựng (Bauträger)

Nhà thương tư nhân (Privatkrankenanstalten)

Phô diễn người (Schaustellung von Personen)

Thể loại các nghề tự do:

Các nghề catalog, các nghề tương tự, các nghề hoạt động

Các nghề catalog là các nghề và nhóm nghề dưới đây, được liệt kê trong Luật Thuế Thu Nhập (Einkommenssteuergesetz EStG). Các nghề / nhóm nghề đánh dấu * cũng được liệt kê trong Luật Doanh Nghiệp Hợp Tác (PartnerschaftsgesellschaftsgesetzPartGG) (Nguồn: Học Viện Nghề Tự Do ở trường đại học Friedrich Alexander Nürnberg Erlangen)

Các nghề điều trị (Heilberufe):

Bác sỹ (Ärzte)
Bác sỹ chuyên khoa (Fachärzte)
Bác sỹ nha khoa (Zahnärzte)
Bác sỹ thú y (Tierärzte)
Chuyên viên kỹ thuật nha khoa (Dentisten)
Nữ hộ sinh* (Hebammen)
Nhân viên điều trị tự nhiên (Heilpraktiker)
Nhân viên vật lý trị liệu (Krankengymnasten)
Nhân viên xoa bóp điều trị* (Heilmasseur)
Tâm lý gia tốt nghiệp đại học* (Diplom-Psychologen)

Các nghề tư vấn luật, thuế và kinh tế (Rechts-, steuer- und wirtschaftsberatende Berufe):

Cố vấn viên kinh tế doanh nghiệp (Beratende Volks- u. Betriebswirte)
Cố vấn viên thuế vụ (Steuerberater)
Công chứng viên (Notare)
Luật sư (Rechtsanwälte)
Luật sư bản quyền (Patentanwälte)
Thanh tra kế toán tuyên thệ (vereidigte Buchprüfer)
Thanh tra kinh tế (Wirtschaftsprüfer)
Thanh tra sổ sách tuyên thệ (vereidigte Bücherrevisoren)
Thành viên của Hiệp Hội Luật Sư* (Mitglieder der Rechtsanwaltskammern)
Ủy viên thuế vụ (Steuerbevollmächtigte)

Các nghề khoa học tự nhiên / kỹ thuật (Naturwissenschaftliche / technische Berufe):

Kiến trúc sư (Architekten)
Kỹ sư (Ingenieure)
Kỹ sư khảo sát địa lý (Vermessungsingenieure)
Nhà hóa học thương mại (Handelschemiker)
Thẩm định viên chuyên nghiệp* (Hauptberufliche Sachverständige)
Thuyền trưởng (Lotsen)

Các nghề truyền đạt ngôn ngữ và thông tin / văn hóa (Sprach- und Informationsvermittelnde Berufe / Kulturberufe):

Biên dịch viên (và các nghề tương tự*) (Übersetzer)
Giáo viên nhà trẻ* (Erzieher)
Giáo viên trường học* (Lehrer)
Ký giả chụp ảnh (Bildberichterstatter)
Ký giả viết báo (Journalisten)
Khoa học gia* (Wissenschaftler)
Nhà mỹ thuật* (Künstler)
Nhà văn* (Schriftsteller)
Thông dịch viên (Dolmetscher)

Các nghề tương tự và các nghề hoạt động

(Nguồn: Học Viện Nghề Tự Do ở trường đại học Friedrich Alexander Nürnberg Erlangen)

Báo cáo viên bản quyền (Patentberichterstatte/in)	Chuyên viên khảo sát địa lý, khảo sát mỏ (Markscheider/in, Vermessung im Bergbau)
Cố vấn viên an ninh (Sicherheitsberater/in)	Chuyên viên mẫu quặng (Erzprobennehmer/in)
Cố vấn viên bán hàng (Marketingberater/in)	Chuyên viên mỹ thuật âm nhạc (Tonkünstler/in)
Cố vấn viên doanh nghiệp (Unternehmensberater/in)	Chuyên viên phân tích hệ thống (Systemanalytiker/in)
Cố vấn viên hưu trí (Rentenberater/in)	Chuyên viên tu bổ (Restaurator/in)
Cố vấn viên kinh tế (Wirtschaftsberater/in)	Chuyên viên từ ngữ (Lexikograf/in)
Cố vấn viên tư pháp (Rechtsbeistand)	Chuyên viên từ ngữ (Terminologe/-in)
Cố vấn viên thủ tục tư pháp (Prozessagent/in)	Chuyên viên thiết kế mẫu vải (Textilentwerfer/in)
Chủ nhân nhà trẻ (Kinderheimbetreiber/in)	Chuyên viên thiết kế nội thất (Raumgestalter/in)
Chủ nhân trường lái xe (Fahrschulinhaber/in)	Chuyên viên thiết kế nhà bếp công nghiệp (Planer/in von Großküchen)
Chuyên gia đánh giá (Sachverständige/r)	Chuyên viên vẽ bản đồ (Kartograf/in)
Chuyên gia đánh giá mỹ thuật (Kunstsachverständige/r)	
Chuyên gia đánh giá nhóm máu (Blutgruppengutachter/in)	Dịch vụ thông tin tư pháp (Juristischer Informationsdienst)
Chuyên gia đánh giá thảm họa (Havariesachverständige/r)	Diễn giả tang chế (Trauerredner/in)
Chuyên gia đánh giá thiệt hại xây dựng (Bauschätzer/in (Schadenschätzer/in))	Diễn viên điện ảnh (Schauspieler/in)
Chuyên gia đánh giá xe cơ giới (Kfz-Sachverständige/r)	Diễn viên lồng tiếng (Synchrosprecher/in)
Chuyên gia nghiên cứu thị trường (Marktforscher/in)	
Chuyên viên định chuẩn tàu thuyền (Schiffseichaufnehmer/in)	Giám đốc công trường (Bauleiter)
Chuyên viên kỹ thuật ảnh (Kameramann/-frau)	Giáo viên dạy nhảy (Tanzlehrer/in)
Chuyên viên kỹ thuật âm nhạc (Tontechniker/in)	Giáo viên kỵ mã (Reitlehrer/in)
Chuyên viên kỹ thuật bố trí (Layouter/in)	Giáo viên nhà trẻ (Erzieher/in)
Chuyên viên kỹ thuật chế tạo máy (Maschinenbautechniker/in)	Giáo viên thể thao (Sportlehrer/in)
Chuyên viên kỹ thuật điện (Elektrotechniker/in)	Giáo viên trường học (Lehrer/in)
Chuyên viên kỹ thuật quy hoạch mạng lưới (Netzplantechniker/in)	
Chuyên viên kỹ thuật xây dựng cao tầng (Hochbautechniker/in)	Huấn luyện viên (Trainer/in)
	Hướng dẫn viên du lịch (Informationsfahrtbegleiter/in)
	Hướng dẫn viên miền núi (Bergführer/in)

Kỹ sư cấu trúc (Baustatiker/in)	Nhân viên giải trí và diễn tả trị liệu (Beschäftigungs- und Ausdruckstherapeut/in)
Kỹ sư địa bàn trên tàu biển (Kompasskompensierer/in auf Seeschiffen)	Nhân viên giám sát hàng hóa hoặc nhân viên kiểm tra hàng hóa (Güterbesichtiger/in oder Güterkontrolleur/in)
Kỹ sư hóa học y tế (Klinische/r Chemiker/in)	Nhân viên tẩm trị liệu (medizinische/r Bademeister/in)
Kỹ sư xây dựng (Konstrukteur/in)	Nhân viên trang điểm (Visagist/in)
Khoa học gia (Wissenschaftler/in)	Nhân viên viết quảng cáo (Werbetexter/in)
Nữ hộ sinh (Hebamme)	Nhân viên xoa bóp (Masseur/in)
Nữ y tá (Krankenschwester)	Nhân viên xoa bóp điều trị (Heilmasseur/in)
Người điều khiển chương trình, sân khấu (Conférencier, Show- und Quizmaster/in)	Phát ngôn viên đài phát thanh (Rundfunksprecher/in)
Nhà ảo thuật (Magier/in, Zauberkünstler/in)	Phát ngôn viên truyền hình (Fernsehansager/in)
Nhà điêu khắc (Bildhauer/in)	Phụ tá kỹ thuật y tế (Medizinisch-technische/r Assistent/in (MTA))
Nhà điêu khắc đá (Steinmetz/in)	
Nhà mỹ thuật (Künstler/in)	Quan chưởng ấn (Referendar/in)
Nhà nhiếp ảnh (Fotograf/in)	Quản tài viên (Insolvenzverwalter/in)
Nhà phân tích tâm lý (Psychoanalytiker/in)	Quản viên tài sản (Treuhänder/in)
Nhà sản xuất phim (Filmhersteller/in)	
Nhà sản xuất trò chơi đồ (Rätselhersteller/in)	Tâm lý gia và bác sỹ tâm lý, kể cả điều trị tâm lý nhi đồng và thanh thiếu niên (Psychologe/-in und Psychotherapeut/in, auch Kinder- und Jugendlichenpsychotherapie)
Nhà sáng chế (Erfinder/in)	Thanh tra hàng hóa (Frachtenprüfer/in)
Nhà sáng tạo thời trang, cổ vấn (Modeschöpfer/in, beratende/r)	Thanh tra phẩm chất thịt (Fleischbeschauer/in)
Nhà toán học kinh tế và bảo hiểm (Versicherungs- und Wirtschaftsmathematiker/in)	Thiết kế viên (Designer/in)
Nhà tư vấn xử lý dữ liệu điện tử (EDV-Berater/in)	Thợ sơn (Họa sỹ) (Maler/in (Kunstmaler/in))
Nhà thiết kế ảnh (Fotodesigner/in)	Trợ tá cấp cứu và nhân viên trị lác mắt (Rettungsassistent/in und Orthoptist/in)
Nhà thiết kế công nghệ (Industriedesigner/in)	
Nhà thiết kế họa đồ (Grafiker/in)	Y tá (Krankenpfleger/in)
Nhà văn (Schriftsteller/in)	Y tá ngoại trú (Ambulante/r Krankenpfleger/in)
Nhà văn quảng cáo (Werbeschriftsteller/in)	
Nhạc sỹ (Musiker/in)	
Nhạc sỹ giải trí và nhảy đầm (Tanz- und Unterhaltungsmusiker/in)	
Nhạc trưởng (Dirigent/in)	
Nhân viên điều trị nói lắp (Logopäde/-in)	
Nhân viên điều trị vật lý (Physiotherapeut/in)	

Thông tin về kinh doanh lưu động

Các công việc không thuộc về kinh doanh lưu động

Theo [điều 55 a](#) và [b](#) của Quy Định Kinh Doanh (GewO) thì một vài công việc không cần thẻ kinh doanh lưu động. Ví dụ:

- Thỉnh thoảng buôn bán hàng hóa trong các dịp triển lãm, lễ hội hoặc các dịp khác với giấy phép chánh phủ.
- Phân phối các sản phẩm tự thu hoạch (nông nghiệp, lâm nghiệp, rau, trái cây, cây cảnh, gia súc, ong lấy mật, săn bắn, câu cá)
- Mua đi bán lại các hàng hóa, tìm khách mua hàng, cung cấp dịch vụ và tìm khách để cung cấp dịch vụ trong địa phương (dưới 10.000 dân cư) mà người thương gia lưu động thường trú và có cửa tiệm.
- Bán sữa và các sản phẩm sữa với giấy phép theo [điều 4 của Luật Sữa và Bơ](#)
- Môi giới/ký kết các hợp đồng bảo hiểm và sổ tiết kiệm xây dựng với tư cách là người môi giới bảo hiểm theo [điều 34 d đoạn 3, 4, 5 GewO](#) (áp dụng tương tự cho các nhân viên của các doanh nghiệp kinh doanh)
- Cố vấn bảo hiểm theo tinh thần của [điều 34 e GewO](#) và [điều 34 d đoạn 5 GewO](#) (áp dụng tương tự cho các nhân viên của các doanh nghiệp kinh doanh)
- Hành nghề kinh doanh cần giấy phép theo luật liên bang và tiểu bang, điều kiện để hành nghề này là người đáng tin cậy và người thương gia lưu động phải có giấy phép cần thiết
- Phân phối thực phẩm và hàng hóa khác cho nhu cầu hàng ngày từ một cửa hàng lưu động hoặc một cơ sở khác tại cùng một chỗ trong một thời gian ngắn đều đặn (Cấm đoán theo [điều 56 đoạn 1 số 3 b GewO](#) không có hiệu lực)
- Buôn bán các sản phẩm in trên các đường phố và các chỗ công cộng khác
- Tìm những người khác trong khuôn khổ của kinh doanh

Các công việc cấm không được kinh doanh lưu động

Theo [điều 56 GewO](#) các công việc sau đây cấm không được kinh doanh lưu động:

- Phân phối các chất độc và hàng hóa độc; được phép tìm đặt mua thuốc bảo vệ cây, thuốc trừ sâu và thuốc bảo vệ gỗ mà theo quy định xây dựng được cấp một giấy kiểm tra (Prüfbescheid) với nhãn kiểm tra (Prüfzeichen)
- Bán các dây bó bụng thoát vị, các đai bụng y tế, thiết bị hỗ trợ cử động và đai bó gối, khuỷu tay chân, ghế gác chân chỉnh hình, mắt kiến và mắt giả; được phép bán các mắt kiến bảo vệ và mắt kiến lão thị làm sẵn
- Bán các máy y khoa điện tử; được phép bán các máy tỏa nhiệt trực tiếp
- Buôn bán chứng khoán, vé số, cổ phần chứng khoán và vé số; được phép bán vé số với giấy phép cho mục đích từ thiện trên đường phố và các chỗ công cộng*)
- Bán các văn bản hứa hẹn tiền thưởng/trúng thưởng
- Mua bán các kim loại quý (vàng, bạc, bạch kim và kim loại bạch kim), hợp kim kim loại quý và hàng hóa mạ kim loại quý; được phép bán nữ trang bằng bạc với giá trị tối đa 40 € và hàng hóa mạ bạc*)
- Mua và bán các đá quý và đá nữ trang, đá và ngọc trai tổng hợp
- Bán các nước uống tinh thần; được phép bán nước bia và rượu trong bình kín và các nước uống pha rượu ([điều 67 đoạn 1 số 1, 2. và 3. Nửa Câu GewO*](#))
- Ký kết và môi giới mua lại theo ([điều 34 đoạn 4 GewO](#)) và môi giới vay tiền mà người vay tiền phải trả tiền môi giới*
- Bán cây, cây bụi và cây nho giống nếu là doanh nghiệp trồng cây ăn trái, cây nhà vườn và cây nho ([điều 56 đoạn 3 GewO](#))

*) Các cấm đoán này không áp dụng lên các công việc trong một cửa tiệm không cố định của một ngân hàng hoặc một doanh nghiệp theo tinh thần của [điều 53 b đoạn 1 câu 1 hoặc đoạn 7 của Luật Ngân Hàng](#), nếu trong cửa tiệm này chỉ làm những giao dịch ngân hàng thông thường mà doanh nghiệp này được phép làm theo Luật Ngân Hàng.

→ Bộ Kinh Tế và Công Nghệ Liên Bang có thể, thông qua quy định pháp lý với sự chấp thuận của thượng viện, cho phép các ngoại lệ của các hạn chế liệt kê trong đoạn 1, nếu không nguy hại đến công chúng hoặc an ninh hoặc trật tự công cộng. Nếu Bộ Kinh Tế và Công Nghệ Liên Bang không sử dụng quyền hạn của mình, thì chính quyền tiểu bang có quyền sử dụng quyền hạn này trong phạm vi của tiểu bang. Cơ quan trực thuộc có thể, theo từng trường hợp trong khu vực trực thuộc, cho phép các ngoại lệ của việc cấm đoán theo đoạn 1, với quyền rút lại giấy phép này, và cho một thời gian tối đa năm năm, nếu bản thân người đứng đơn hoặc hoàn cảnh khác không có lý do đáng ngại; [điều 55 đoạn 3](#) và [điều 60 c đoạn 1 GewO](#) áp dụng tương tự cho giấy phép ngoại lệ.